

Giảm tỷ trọng

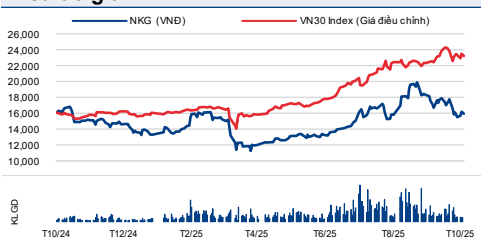
Giá mục tiêu: VNĐ15,000

Tiềm năng tăng/giảm: -6.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	15,950
Mã Bloomberg	NKG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,300-19,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,025
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,139
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	271
Slg CP lưu hành (tr.đv)	448
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	224
Slg CP NN được mua (tr.đv)	196
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	6.25%
Tỷ lệ freefloat	79.6%
Cổ đông lớn	Hồ Minh Quang (15.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	20,609	15,774	19,691
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,064	822	1,262
LNTT (tỷ đồng)	558	357	543
LNT ĐC (tỷ đồng)	430	272	438
FCF (tỷ đồng)	(1,441)	3,223	(4,500)
EPS ĐC (đồng)	962	607	979
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	18,584	17,194	18,246
T.trưởng EBITDA (%)	42.1	(22.7)	53.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	222	(55.5)	61.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.16	5.21	6.41
Tỷ suất LNTT (%)	2.71	2.27	2.76
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.20	1.81	2.34
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	102	55.2	62.6
ROAE (%)	8.02	4.21	5.82
ROACE (%)	12.2	6.03	6.61
EV/doanh thu (lần)	0.53	0.72	0.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.3	13.7	9.63
P/E ĐC (lần)	16.6	26.3	16.3
P/B (lần)	0.86	0.93	0.87
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Tập đoàn Nam Kim là doanh nghiệp lớn thứ hai trong ngành tôn Việt Nam. 60-65% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu và thị trường xuất khẩu chính của NKG bao gồm các nước Đông Nam Á, Mỹ và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: Lợi nhuận thuần giảm 24% do xuất khẩu suy yếu; sát với dự báo

- NKG công bố lợi nhuận thuần Q3/2025 đạt 49,5 tỷ đồng, giảm 24% so với cùng kỳ nhưng sát với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần giảm chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm 22% so với cùng kỳ – mức tăng 48% của sản lượng tiêu thụ trong nước không đủ để bù đắp cho mức sụt giảm 63% so với cùng kỳ của sản lượng xuất khẩu.
- Loại trừ các khoản lợi nhuận thuần từ HĐKD không cốt lõi thực tế/dự báo, lợi nhuận Q3/2025 cũng giảm 24% so với cùng kỳ nhưng tăng 236% so với quý trước, do Q2/2025 có thêm 94 tỷ đồng lợi nhuận không thường xuyên từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, NKG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng và giá mục tiêu 15.000đ (rủi ro giảm giá: 6%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

Ngày 30/10/2025, NKG đã công bố BCTC. Lợi nhuận thuần Q3/2025 giảm 24% so với cùng kỳ (giảm 46% so với quý trước) xuống 49,5 tỷ đồng, chủ yếu do xuất khẩu suy yếu. Lợi nhuận thuần ghi nhận trong quý sát với dự báo của HSC ở mức 50 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt lần lượt 207 tỷ đồng (giảm 53% so với cùng kỳ) và 97 tỷ đồng (giảm 78% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 72%/71% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi – thấp hơn một chút so với dự báo. Chi tiết như sau:

Nhu xuất khẩu kém kéo giảm doanh thu

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, NKG chỉ bán được 194.255 tấn thép, giảm 22% so với cùng kỳ và giảm 4% so với quý trước. Chi tiết:

- Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng mạnh 48% so với cùng kỳ (tăng 14% so với quý trước) lên 136.378 tấn. Nhưng mức tăng của sản lượng tiêu thụ trong nước không đủ để bù đắp cho mức sụt giảm của nhu cầu xuất khẩu. Theo đó, sản lượng tiêu thụ trong nước đóng góp 70% sản lượng tiêu thụ của NKG trong Q3/2025, cao hơn so với mức 37% trong Q3/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025, NKG

Lợi nhuận thuần giảm 24% so với cùng kỳ nhưng sát với dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ	2025F	% dự báo 2025
Doanh thu thuần	3,773	-27.3%	-0.9%	11,672	-27.7%	15,774	74.0%
Lợi nhuận gộp, báo cáo	180	-60.1%	-33.3%	713	-53.4%	1,371	52.0%
Lợi nhuận gộp cốt lõi	180	-60.1%	-33.3%	673	-56.0%	1,371	49.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp cốt lõi	4.8%	-3.9ppt	-2.3ppt	5.8%	-3.7ppt	8.7%	66.4%
Lợi nhuận tài chính	(12)	79.7%	85.8%	(113)	-61.3%	(75)	150%
Chi phí BH&QL	109	-64.9%	-35.3%	446	-51.4%	946	47.2%
LNTT	59	-28.3%	-47.6%	252	-53.5%	357	70.6%
Lợi nhuận thuần	50	-23.6%	-45.9%	207	-52.5%	286	72.2%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	50	-23.6%	236%	97	-77.6%	136	71.7%

Nguồn: NKG, HSC

- Sản lượng xuất khẩu giảm 63% so với cùng kỳ và giảm 30% so với quý trước xuống chỉ còn 57.877 tấn, do các biện pháp bảo hộ trên toàn cầu gia tăng, đặc biệt là tại thị trường Mỹ. Hiện tại, sản lượng xuất khẩu chỉ đóng góp 30% sản lượng tiêu thụ của NKG từ mức 63% trong Q3/2024.

Trong Q3/2025, chúng tôi ước tính giá bán bình quân của NKG ở mức 19,4 triệu đồng/tấn, giảm 7% so với cùng kỳ nhưng tăng 3% so với quý trước.

Với kết quả trên, doanh thu thuần Q3/2025 đạt 3.773 tỷ đồng (giảm 27% so với cùng kỳ và giảm 1% so với quý trước), dẫn đến doanh thu 9 tháng đầu năm 2025 đạt 11,7 nghìn tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ và hoàn thành 74% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi ở mức 15,8 nghìn tỷ đồng, sát với dự báo.

Lợi nhuận giảm 24% so với cùng kỳ do nhu cầu yếu

Phân tích chi tiết hơn:

- Trong Q3/2025, **lợi nhuận gộp** của NKG đạt 180 tỷ đồng, giảm 60% so với cùng kỳ (giảm 33% so với quý trước), chủ yếu do chi phí nguyên liệu đầu vào rẻ không còn tác dụng trong quý này nữa. Tính đến cuối Q3/2025, giá trị hàng tồn kho đạt 5.049 tỷ đồng, giảm 18% so với quý trước và hiện tương đương với 4,2 tháng sản xuất.
- So với các công ty cùng ngành, con số này tương đương với 4,5 tháng sản xuất của HPG (Mua vào; Giá mục tiêu 37.900đ) (công ty đã chuẩn bị hàng tồn kho cho công suất mới, vừa được bổ sung vào tháng 9/2025 cho lò cao số 2 của Khu liên hợp gang thép Dung Quất Giai đoạn 2) nhưng cao hơn đối thủ cạnh tranh trực tiếp là HSG (Nắm giữ; Giá mục tiêu 18.600đ) với 3,4 tháng sản xuất. Do đó, tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống chỉ còn 4,8% trong Q3/2025 so với 8,7% trong Q3/2024 và 7,1% trong Q2/2025.
- Về **các hoạt động tài chính**, trong Q3/2025, NKG ghi nhận lỗ tài chính 12 tỷ đồng, thấp hơn so với mức lỗ 58 tỷ đồng/83 tỷ đồng trong Q3/2024/Q2/2025. Lỗ tài chính giảm chủ yếu nhờ lỗ tỷ giá thấp hơn do NKG giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu và tăng nguồn nguyên liệu trong nước (lên 50-60% trong giai đoạn này so với 20-30% trong Q3/2024).
- Trong Q3/2025, **chi phí bán hàng & quản lý** của NKG ở mức 109 tỷ đồng, giảm 65% so với cùng kỳ (giảm 35% so với quý trước), chủ yếu nhờ chi phí xuất khẩu giảm. Yếu tố này đã tích cực hỗ trợ lợi nhuận thuần của công ty trong Q3/2025.
- Bảng CĐKT**: Tính đến cuối tháng 9/2025, các khoản vay ngân hàng của NKG đạt 6.955 tỷ đồng, tăng 10% kể từ đầu năm và tăng 1% so với quý trước. Trong đó, các khoản vay dài hạn của NKG đã tăng lên 2.049 tỷ đồng (từ 1.389 tỷ đồng tại thời điểm cuối tháng 6), để tài trợ cho dự án Phú Mỹ. Tính đến cuối tháng 9, NKG đã giải ngân 3,9 nghìn tỷ đồng cho dự án Phú Mỹ, và dự kiến sẽ đẩy mạnh sản xuất vào cuối năm nay hoặc đầu năm sau. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH của NKG đạt 0,72 lần trong Q3/2025 so với 1,05 lần trong năm 2024. Tỷ lệ này khá cao nếu so với mức 0,51 lần của HPG và 0,34 lần của HSG.

Duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng và giá mục tiêu 15.000đ (rủi ro giảm giá: 6%)

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, NKG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18 lần, thấp hơn một chút so với bình quân 3 năm ở mức 22,9 lần – mức định giá quá cao, nếu xét đến mức độ dễ bị ảnh hưởng của NKG trước các chính sách bảo hộ đang được áp dụng rộng rãi. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Giảm tỷ trọng và giá mục tiêu 15.000đ (rủi ro giảm giá: 6%).

Với KQKD 9 tháng đầu năm chỉ thấp hơn một chút so với dự báo cho năm 2025, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo thị trường, NKG

Sản lượng tiêu thụ Q3/2025 giảm 22% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, trong khi đó sản lượng xuất khẩu giảm mạnh 63% so với cùng kỳ và 30% so với quý trước.

Tấn	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	9T25	So với cùng kỳ	Q2/25
Tổng sản lượng tiêu thụ	248,609	194,255	-21.9%	-3.7%	780,474	601,414	-22.9%	201,736
Trong nước	92,180	136,378	47.9%	14.4%	279,223	364,241	30.4%	119,175
Xuất khẩu	156,429	57,877	-63.0%	-29.9%	501,251	237,173	-52.7%	82,561
Tỷ trọng	100.0%	100.0%			100.0%	100.0%		
Trong nước	37.1%	70.2%			35.8%	60.6%		
Xuất khẩu	62.9%	29.8%			64.2%	39.4%		

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	18,596	20,609	15,774	19,691	23,287
Lợi nhuận gộp	1,112	1,832	1,371	1,815	2,303
Chi phí BH&QL	(739)	(1,138)	(946)	(1,241)	(1,467)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	373	694	425	574	836
Lãi vay thuần	(196)	(136)	(75.1)	(40.8)	(68.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	0.24	0.72	7.45	9.24	10.7
LNTT	177	558	357	543	778
Chi phí thuế TNDN	(59.9)	(105)	(71.5)	(81.4)	(93.4)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	117	453	286	461	685
Lợi nhuận thuần ĐC	112	430	272	438	651
EBITDA ĐC	749	1,064	822	1,262	1,576
EPS (đồng)	446	1,434	639	1,031	1,530
EPS ĐC (đồng)	249	962	607	979	1,454
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	263	316	448	448	448
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	263	316	448	448	448
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	448	448	448	448	448

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	785	392	632	976	1,825
Đầu tư ngắn hạn	290	247	124	61.8	74.1
Phải thu khách hàng	1,927	1,943	1,420	1,772	2,212
Hàng tồn kho	5,719	6,690	4,609	5,363	6,295
Các tài sản ngắn hạn khác	602	930	789	985	1,164
Tổng tài sản ngắn hạn	9,323	10,202	7,572	9,157	11,571
TSCĐ hữu hình	2,301	2,231	5,084	5,392	4,664
TSCĐ vô hình	332	321	328	336	344
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	3.18	525	525	525	525
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	276	240	216	194	175
Tổng tài sản dài hạn	2,913	3,317	6,152	6,446	5,707
Tổng cộng tài sản	12,235	13,519	13,725	15,604	17,278
Nợ ngắn hạn	4,768	6,312	4,321	5,005	5,876
Phải trả người bán	1,631	856	720	894	1,049
Nợ ngắn hạn khác	178	194	203	213	225
Tổng nợ ngắn hạn	6,784	7,621	5,529	6,426	7,495
Nợ dài hạn	0	0	473	985	1,164
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	27.4	25.9	25.9	25.9	25.9
Nợ dài hạn khác	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90
Tổng nợ dài hạn	28.3	26.8	500	1,011	1,191
Tổng nợ phải trả	6,812	7,648	6,029	7,437	8,686
Vốn chủ sở hữu	5,423	5,871	7,696	8,166	8,592
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	5,423	5,871	7,696	8,166	8,592
Tổng nợ phải trả và VCSH	12,235	13,519	13,725	15,604	17,278
BVPS (đ)	20,598	18,584	17,194	18,246	19,198
Nợ thuần/(tiền mặt)	3,982	5,920	4,162	5,014	5,215

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	373	694	425	574	836
Khấu hao	(376)	(370)	(397)	(687)	(740)
Lãi vay thuần	(196)	(136)	(75.1)	(40.8)	(68.7)
Thuế TNDN đã nộp	(7.38)	(53.4)	(71.5)	(81.4)	(93.4)
Thay đổi vốn lưu động	(346)	(1,632)	2,333	(1,398)	(1,723)
Khác	(419)	(127)	(67.7)	(31.5)	(58.0)
LCT thuần từ HĐKD	269	(541)	3,294	20.1	27.7
Đầu tư TS dài hạn	(130)	(901)	(70.4)	(4,521)	(69.7)
Góp vốn & đầu tư	(30.5)	(800)	0	0	0
Thanh lý	15.0	341	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(146)	(1,360)	(70.4)	(4,521)	(69.7)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	(226)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(309)	1,510	(2,984)	4,845	1,117
Khác	(33.8)	(3.07)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(342)	1,507	(2,984)	4,845	891
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,005	785	392	632	976
LCT thuần trong kỳ	(220)	(393)	240	344	849
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.39)	(0.71)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	785	392	632	976	1,825
Dòng tiền tự do	138	(1,441)	3,223	(4,500)	(42.0)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	5.98	8.89	8.69	9.22	9.89
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.03	5.16	5.21	6.41	6.77
Tỷ suất LNT (%)	0.63	2.20	1.81	2.34	2.94
Thuế TNDN hiện hành (%)	33.8	18.8	20.0	15.0	12.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(19.4)	10.8	(23.5)	24.8	18.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	58.9	42.1	(22.7)	53.4	24.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	194	286	(36.9)	61.4	48.4
Tăng trưởng EPS (%)	194	222	(55.5)	61.4	48.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	155	286	(36.9)	61.4	48.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	2.19	8.02	4.21	5.82	8.17
ROACE (%)	6.90	12.2	6.03	6.61	8.82
Vòng quay tài sản (lần)	1.45	1.60	1.16	1.34	1.42
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.72	(0.78)	7.75	0.03	0.03
Số ngày tồn kho	119	130	117	110	109
Số ngày phải thu	40.2	37.8	36.0	36.2	38.5
Số ngày phải trả	34.1	16.6	18.2	18.3	18.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	76.1	102	55.2	62.6	61.9
Nợ/tài sản (%)	40.2	47.3	35.6	39.0	41.4
EBIT/lãi vay (lần)	1.90	5.08	5.66	14.1	12.2
Nợ/EBITDA (lần)	6.56	6.01	5.93	4.82	4.53
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.37	1.34	1.37	1.43	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.44	0.53	0.72	0.62	0.53
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.9	10.3	13.7	9.63	7.84
P/E (lần)	35.8	11.1	25.0	15.5	10.4
P/E ĐC (lần)	64.0	16.6	26.3	16.3	11.0
P/B (lần)	0.77	0.86	0.93	0.87	0.83
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn